| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÀU BÀNG**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 24/2021/HS-ST
Ngày: 19-4-2021

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Kim Xuyến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Dương Thành Công;

Ông Nguyễn Tuấn Tú.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Kiều H, sinh năm 1992 tại Hải Phòng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố D, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy Th và bà Vũ Thị H; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2018/HS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt Nguyễn Kiều H 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2014/HSST ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Tòa án nhân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt Nguyễn Kiều H 02 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; bị bắt, tạm giữ ngày 11 tháng 01 năm 2021, đến ngày 14 tháng 01 năm 2021 tạm giam đến nay, có mặt.

- *Bị hại:* Anh Lang Văn Ch, sinh năm 1999; hộ khẩu thường trú: thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Đắk Nông; tạm trú: khu phố B, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Phan Văn Th, sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ 15, khu phố 6, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Nguyễn Kiều H là bạn bè với anh Lương Văn Ch.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 06 tháng 9 năm 2020, H đến phòng trọ anh Ch thuộc lô B40, đường N7, khu phố B, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương mượn xe mô tô của anh Ch nhãn hiệu Sirius, biển số 48C1-243.96 để đi chợ Bàu Bàng khoảng 15 phút sẽ trả, anh Ch đồng ý. Trên đường đi chợ, H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 48C1-243.96 của anh Ch để cầm cố lấy tiền tiêu xài. H điều khiển xe mô tô này về Thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 08 tháng 9 năm 2020, H gặp một người bạn tên Th1 (không rõ họ tên, địa chỉ) và nói với Th1 xe mô tô biển số 48C1-243.96 của H, H nhờ Th1 cầm xe và H sẽ cho Th1 mượn tiền tiêu xài. H và Th1 mang xe mô tô 48C1-243.96 cầm tại cửa hàng Th Net ở khu phố 6, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai do anh Phan Văn Th làm chủ với giá 9.000.000 đồng, H và Th1 chia nhau tiền tiêu xài. Sau đó, H gọi điện thoại nói anh Ch về việc H đã cầm xe mô tô của anh Ch nhưng không có tiền để chuộc lại, rồi H bỏ trốn, bị truy nã đến ngày 11 tháng 01 năm 2021 thì H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng bắt.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như Cáo trạng truy tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Th không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị hại Ch vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra, truy tố, bị hại Ch không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo H đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã tạm giữ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Th 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 48C1-243.96, màu xám - đen. Theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Ch xe mô tô biển số 48C1-243.96.

Tại Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận về giá của xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, số khung 3740KY027093, số

máy E32VE075145, biển số 48C1-243.96, màu xám đen, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2020, đã qua sử dụng là 16.000.000 đồng.

Đối tượng tên Th1 (không rõ họ tên, địa chỉ), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đang xác minh làm rõ, khi nào có kết quả xử lý sau.

Hành vi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Th nhận cầm cố xe mô tô biển số 48C1-243.96 cho bị cáo H và đối tượng tên Thanh nhưng anh Th không biết nguồn gốc xe mô tô này do H phạm tội mà có nên không đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Ngày 29 tháng 01 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã có Công văn số 70/CV-CQĐT gửi Công an thành phố H, tỉnh Đồng Nai, đề nghị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính đối với anh Th theo quy định của Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống, chống bạo lực gia đình.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên, bị cáo H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Th không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Bị hại Ch vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra, truy tố, bị hại Ch không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Th yêu cầu bị cáo H và đối tượng tên Th1 cùng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Th số tiền 9.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh Th chỉ yêu cầu bị cáo H bồi thường thiệt hại cho anh Th số tiền 9.000.000 đồng. Bị hại Ch không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát đề nghị Tòa án buộc bị cáo H bồi thường thiệt hại cho anh Th 9.000.000 đồng và bị cáo H đồng ý.

Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 21/CT-VKSBB ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Kiều H về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H từ 10 tháng đến 01 năm tù.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: buộc bị cáo H phải bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Th 9.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Th không tranh luận gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên; anh Th yêu cầu bị cáo H bồi thường thiệt hại cho anh Th số tiền 9.000.000 đồng và bị cáo H đồng ý.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo mức án nhẹ để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

[1.1] Bị hại Ch vắng mặt tại phiên tòa nhưng không trở ngại cho việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[1.2] Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng không thông báo kết luận giám định cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 214 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không thông báo kết quả điều tra cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 232 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Danh bản (bút lục số 60) và Chỉ bản (bút lục số 61) của bị cáo không có mã vạch tại nơi dán mã vạch của Danh bản và Chỉ bản là không đúng theo biểu mẫu số 186 và biểu mẫu số 187 ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự. Đây là những thiếu sót cần khắc phục trong quá trình điều tra, truy tố những vụ án sau này.

Đối với các hành vi, quyết định tố tụng khác trong vụ án đã được Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng này là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa

Bị cáo H khai nhận vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 06 tháng 9 năm 2020, tại phòng trọ của bị hại Ch thuộc lô B40, đường N7, khu phố B, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo H đã có hành vi mượn xe mô tô biển số 48C1-243.96 của bị hại Ch để đi chợ B, sau đó bị cáo H đã sử dụng xe mô tô này cầm cố cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Th với giá 9.000.000 đồng để sử dụng cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Trị giá xe mô tô biển số 48C1-243.96 bị cáo H chiếm đoạt của bị hại Ch là 16.000.000 đồng.

Xét lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Cáo trạng truy tố bị cáo theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại Ch được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết.

[4] Để có tiền sử dụng cá nhân nH lười lao động, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của bị hại Ch cho bị cáo mượn xe mô tô, sau đó bị cáo đã sử dụng xe mô tô này cầm cố dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản cho bị hại Ch. Hành vi phạm tội của bị cáo là liều lĩnh, bất chấp bị phát hiện. Xét về yếu tố lỗi, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo có nhân thân xấu (năm 2014 bị Tòa án nhân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, đã được xóa án tích) và có tiền án (năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản). Tuy nhiên, bị cáo không ăn năn hối cải, tu sửa bản thân mà lại tiếp tục phạm tội; điều đáng nói các lần phạm tội của bị cáo đều là các tội xâm phạm sở hữu. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử quyết định xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng bị cáo không phải phạm tội lần đầu, không thể hiện sự ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm (là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Bộ luật Hình sự), đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt tù đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử quyết định cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Th yêu cầu bị cáo H bồi thường thiệt hại cho anh Th số tiền là 9.000.000 đồng. Xét thấy: bị cáo H sau khi chiếm đoạt xe mô tô biển số 48C1-243.96 của bị hại Ch rồi mang đi cầm cố cho anh Th lấy tiền sử dụng mục đích cá nhân. Anh Th vì lợi nhuận nhận cầm cố xe mô tô mà theo quy định tài sản này phải có giấy tờ sở hữu nhưng không có là vi phạm điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống, chống bạo lực gia đình. Hợp đồng cầm cố xe mô tô biển số 48C1-243.96 theo Biên nhận ngày 08 tháng 9 năm 2020 (bút lục số 102) giữa anh Th với bị cáo H và đối tượng tên Th1 có mục đích và nội dung vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội, vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 117 của Bộ luật Dân sự nên vô hiệu theo Điều 123 của Bộ luật Dân sự. Các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 131 của Bộ luật Dân sự. Đối tượng tên Th1 không xác định rõ nhân thân, tại phiên tòa, anh Th yêu cầu bị cáo H bồi thường thiệt hại cho anh Th số tiền là 9.000.000 đồng và bị cáo H đồng ý. Hội đồng xét xử buộc bị cáo H có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Th 9.000.000 đồng.

Bị hại Ch không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối tượng tên Th1 (không rõ họ tên, địa chỉ), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đang xác minh làm rõ, khi nào có kết quả xử lý sau. Mối quan hệ giữa bị cáo H và đối tượng tên Th1, khi nào tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[8] Về xử lý vật chứng

Xe mô tô biển số 48C1-243.96 đã được trả lại cho bị hại Ch, xét phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Hành vi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Th không đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tại phiên tòa, anh Th khai Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Nai đã xử phạt hành chính anh Th về hành vi này và anh Th đã nộp phạt xong; anh Th cung cấp cho Tòa án Biên lai thu số 0001349 ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Kho bạc Nhà nước Đồng Nai, người nộp tiền là anh Th, nội dung thu khoản nộp ngân sách là phạt vi phạm hành chính với số tiền 3.500.000 đồng theo Quyết định số 97 ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Nai; xét phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí

Bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Kiều H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Kiều H 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11 tháng 01 năm 2021.

[2] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, điểm c khoản 1 Điều 117, Điều 123 và khoản 2 Điều 131 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Kiều H có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Phan Văn Th 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bị hại Lang Văn Ch không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí

Căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

**Huỳnh Kim Xuyến**